TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦ THỪA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

2. Ông Võ Đức Huy.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 về việc "*Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Q, sinh năm 1987; Địa chỉ cư trú: Khu phố A, thị trấn B, huyện MH, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1984; Địa chỉ cư trú: ấp BM, xã ML, huyện TT, tỉnh Long An.

(*Các đương sự vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/02/2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Q trình bày:

Bà Q và ông Nguyễn Văn H do quen biết, tự tìm hiểu nhau và có tổ chức lễ cưới vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 80 quyển số 01 tại Ủy ban nhân dân xã ML, huyện TT, tỉnh Long An cấp ngày 06/11/2009. Sau

khi cưới nhau vợ chồng bà Q chuyển về ở chung với cha mẹ chồng tại ấp BM, xã ML, huyện TT, tỉnh Long An.

Qua thời gian chung sống, vợ chồng bà Q có 03 người con chung: Nguyễn Văn Kh, sinh ngày 19/12/2006, Nguyễn Thị Kim Th, sinh ngày 16/02/2008 và Nguyễn Thị Kim D, sinh ngày 04/6/2023. Hiện 02 con lớn là Nguyễn Văn Kh cùng Nguyễn Thị Kim Th đang ở với ông H tại ấp BM, xã ML, huyện TT, tỉnh Long An, còn con gái út Kim D đang ở cùng bà Q tại thị trấn B, huyện MH, tỉnh Long An.

Trong quan hệ hôn nhân, bà Q và ông H đã chung sống với nhau nhiều năm nhưng tính tình hai bên không hợp nhau và thường xuyên xảy ra cự cãi. Ông H còn có tính ghen tuông mù quáng nên nhiều lần về tới nhà thì kiếm chuyện chửi bới khiến tình cảm vợ chồng bà Q bị rạn nứt. Bà Q có nhiều lần cố gắng nói chuyện với ông H để tìm tiếng nói chung giữa vợ chồng nhưng không có kết quả.

Đến tháng 8 năm 2023, sau khi gây cãi và ông H có đánh bà Q thì bà Q mang con gái út Kim D về bên nhà cha mẹ ruột bà Q tại thị trấn B, huyện MH, tỉnh Long An ở cho đến nay. Vợ chồng bà đã ly thân từ cuối tháng 8/2023 cho đến nay, ông H không gọi hay ghé thăm con gái út là Kim D.

Nhận thấy tình cảm giữa bà Q với ông Nguyễn Văn H không thể hàn gắn được, đời sống hôn nhân của vợ chồng không thể kéo dài và sẽ không tạo dựng được hạnh phúc, nên bà Q yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa giải quyết cho bà Q được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Theo đơn khởi kiện, bà Q xin được quyền nuôi 03 con: Nguyễn Văn Kh, sinh ngày 19/12/2006, Nguyễn Thị Kim Th, sinh ngày 16/02/2008 và Nguyễn Thị Kim D, sinh ngày 04/6/2023. Bà Q không yêu cầu cha cấp dưỡng cho con. Nay bà Q chỉ yêu cầu được nuôi con chung là Nguyễn Thị Kim D, sinh ngày 04/6/2023 do hiện nay cháu Duyên đang ở với bà và không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con, bà hiện đi làm công ty thu nhập bình quân mỗi tháng 9.000.000 đồng. Còn 02 con chung là Nguyễn Văn Kh, sinh ngày 19/12/2006, Nguyễn Thị Kim Th, sinh ngày 16/02/2008 hiện đang sống với ông H nên bà Q đồng ý giao 02 con chung Nguyễn Văn Kh và Nguyễn Thị Kim Th cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng cho con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không ý kiến gì thêm.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có lời trình bày.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tiến hành hòa giải được vì ông Nguyễn Văn H vắng mặt nên Tòa án quyết định đưa ra vụ án xét xử.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thanh Thúy – đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Q là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận cho bà Q được ly hôn với ông Nguyễn Văn H. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn Thị Kim D, sinh ngày 04/6/2023 cho bà Trần Thị Q được trực tiếp nuôi dưỡng và giao cho ông H được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Văn Kh, sinh ngày 19/12/2006, Nguyễn Thị Kim Th, sinh ngày 16/02/2008. Về phần cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Q không yêu cầu ông Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con, ông Nguyễn Văn H vắng mặt không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết vấn đề cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Chứng cứ mà bà Trần Thị Q cung cấp trong vụ án là: Bản trích lục giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao giấy khai sinh của con chung; Bản photo căn cước công dân bà Q; Xác nhận thông tin về nơi cư trú; Bản tự khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Trần Thị Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H. Ông H cư trú tại ấp BM, xã ML, huyện TT, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị Q vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại văn bản xác nhận thông tin về cư trú của Công an xã Mỹ Lạc xác nhận ông Nguyễn Văn H có hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay tại ấp BM, xã ML, huyện TT, tỉnh Long An. Do đó, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông H, ông H đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án, về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, về thời gian xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Q và ông H.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của bà Q, thấy rằng: Bà Q và ông H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã ML, huyện TT cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/11/2009 nên hôn nhân của bà Q và ông H là hôn nhân hợp pháp. Theo bà Q nguyên nhân mâu thuẫn là do bà Q và ông H đã

chung sống với nhau nhiều năm nhưng tính tình hai bên không hợp nhau và thường xuyên xảy ra cự cãi. Ông H còn có tính ghen tuông mù quáng nên nhiều lần về tới nhà thì kiếm chuyện chửi bới khiến tình cảm vợ chồng bà Q bị rạn nứt. Bà Q có nhiều lần cố gắng nói chuyện với ông H để tìm tiếng nói chung giữa vợ chồng nhưng không có kết quả. Đến tháng 8/2023, sau khi gây cãi và ông H có đánh bà Q thì bà Q mang con gái út Kim D về bên nhà cha mẹ ruột bà Q tại thị trấn B, huyện MH, tỉnh Long An. Vợ chồng bà đã ly thân từ cuối tháng 8/2023 cho đến nay, ông H không gọi hay ghé thăm con gái út là Kim D. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Q yêu cầu được ly hôn với ông H. Về phía ông H, từ khi bà Q nộp đơn khởi kiện đến nay mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết rõ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Q nhưng ông H cũng không có ý kiến gì, liên tiếp vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cho thấy ông H không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng và gìn giữ cuộc hôn nhân này. Căn cứ vào nguyên nhân mâu thuẫn mà bà Q đã trình bày chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Q và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Q là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà Q và ông H có 03 con chung tên Nguyễn Văn Kh, sinh ngày 19/12/2006, Nguyễn Thị Kim Th, sinh ngày 16/02/2008 và Nguyễn Thị Kim D, sinh ngày 04/6/2023, hiện con chung Nguyễn Thị Kim D, sinh ngày 04/6/2023 đang sống với bà Q, còn 02 con chung là Nguyễn Văn Kh, sinh ngày 19/12/2006, Nguyễn Thị Kim Th, sinh ngày 16/02/2008 đang sống với ông H. Sau khi ly hôn bà Q yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là cháu Kim D, bà Q giao 02 con chung là Văn Kh và Kim Th cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng, bà Q không yêu cầu bên không nuôi con phải cấp dưỡng cho nhau. Xét thấy, hiện cháu Văn Kh và cháu Kim Th đang sống với ông H, cuộc sống đã ổn định, các cháu vẫn phát triển bình thường, cháu Văn Kh và cháu Kim Th có nguyện vọng ở với ông H khi cha mẹ ly hôn, còn cháu Kim D đang dưới 36 tháng tuổi và đang do bà Q chăm sóc, nuôi dưỡng, bà Q và ông H đều có khả năng chăm sóc con chung tốt. Ông H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng thể hiện yêu cầu nuôi con của bà Q nhưng không có ý kiến phản hồi gì. Do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cháu Văn Kh và cháu Kim Th cho ông H được tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu Kim D cho bà Q được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về phần cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận bà Q không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con do đó ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến hay yêu cầu bà Q phải cấp dưỡng cho con chung nên không buộc bà Q phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Q, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Q về việc *"Ly hôn"* với ông Nguyễn Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Q được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2. Về con chung:

Giao cho bà Trần Thị Q tiếp tục nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim D, sinh ngày 04/6/2023.

Giao cho ông Nguyễn Văn H tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Văn Kh, sinh ngày 19/12/2006, Nguyễn Thị Kim Th, sinh ngày 16/02/2008.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi có yêu cầu một hoặc hai bên đương sự Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Buộc bà Trần Thị Q chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008261 ngày 20/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, bà Trần Thị Q đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Trần Thị Q và ông Nguyễn Văn H vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- UBND xã Mỹ Lạc;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Nguyễn Đức Quân

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦ THỪA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 27 tháng 12 năm 2022

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Mạnh Quyết.

Ông Nguyễn Hồng Phong.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 282/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc "*ly hôn*" giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Q, sinh năm 2001.

Hộ khẩu thường trú: Ấp Bà Mía, xã Long Thạnh, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện nay: 179 ấp Phú Ninh, xã Phú Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp Bà Mía, xã Long Thạnh, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Q về việc *"Ly hôn"* với ông Nguyễn Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Q được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cho bà Trần Thị Q tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Trâm, sinh ngày 20/12/2013.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi có yêu cầu một hoặc hai bên đương sự Toà án có thể quyết định thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Buộc bà Trần Thị Q chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002670 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, bà Trần Thị Q đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Trần Thị Q và ông Nguyễn Văn H vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Hội đồng xét xử sơ thẩm sau khi nghị án thống nhất biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc lúc giờ phút, ngày 27 tháng 12 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Mạnh Quyết **Nguyễn Hồng Phong** **Nguyễn Đức Quân**